

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày 09/02/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hà và ông Lê Văn Vân.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà:** Ông Đinh Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXX-ST ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị D, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 8, phường N, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh Đỗ Việt L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn L, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Phiên toà chị D và anh L đều vắng mặt (chị D và anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị D và anh Đỗ Việt L tìm hiểu và chung sống cùng nhau từ năm 2019, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 24 tháng 01 năm 2021. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì mâu thuẫn căng thẳng.

Chị D xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn là do ngay sau khi đăng ký kết hôn chị phát hiện anh L có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác từ

thời gian anh chị chung sống cùng nhau trước khi kết hôn, chị hỏi thì anh L thừa nhận, xin lỗi nhưng chị không đồng ý. Vì vậy, chị D vào thành phố N làm ăn sinh sống, anh L ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn L, xã N, tỉnh Ninh Bình, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ năm 2021 đến nay.

Anh L xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại gia đình chị D ở xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá, 02 vợ chồng bán hàng ăn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, bảo ban nhau làm ăn và nuôi con. Đến khoảng giữa năm 2021 do dịch bệnh nên việc kinh doanh hàng ăn của vợ chồng gặp khó khăn, vợ chồng chuyển về ở tại nhà bố mẹ đẻ anh L thuộc thôn L, xã N, tỉnh Ninh Bình. Đầu năm 2023, vợ chồng cùng con nhỏ vào thành phố N, tỉnh K đến cuối năm 2023, anh L đưa con về lại nhà bố mẹ đẻ ở nên tình cảm vợ chồng dần xa cách, chị D gọi điện về chỉ nói chuyện với con mà lạnh nhạt với chồng. Từ cuối năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị D và anh L đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị D xin ly hôn, anh L đồng ý.

Về con chung: Chị D và anh L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Mai Thủy T, sinh ngày 04/4/2021. Hiện nay cháu T đang ở với anh L, hằng tháng chị D vẫn gửi tiền về cho anh để nuôi con. Nay chị D và anh L cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức và các vấn đề khác: Chị D và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được do chị D đề nghị không tiến hành hòa giải.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị D và anh Đỗ Việt L là hợp pháp, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai. Chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý. Chị D và anh L có 01 con chung là cháu T, hiện nay cháu T đang ở cùng anh L, hằng tháng chị D vẫn gửi tiền cho anh L nuôi con, anh L và chị D cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; các vấn đề khác chị D và anh L không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị D và anh Đỗ Việt L.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Mai Thủy T, sinh ngày 04/4/2021 cho chị D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Các vấn đề khác chị D và anh L không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị D và anh Đỗ Việt L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do chị D phát hiện anh L có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác trong thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau mà chưa đăng ký kết hôn. Anh L đã xin lỗi nhưng chị D không đồng ý nên vợ chồng sống mỗi người một nơi, chị D làm ăn sinh sống tại thành phố N còn anh L ở tại nhà bố mẹ đẻ thuộc thôn L, xã N, tỉnh Ninh Bình. Từ năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai chị D kiên quyết xin ly hôn với anh L, anh L cũng có quan điểm nhất trí ly hôn với chị D. Ý kiến của hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh L có 01 con chung là cháu Đỗ Mai Thủy T, sinh ngày 04/4/2021. Hiện nay cháu T do anh L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D và anh L đều đề nghị giao cháu T cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của chị D và anh L về việc giao con chung và cháu T còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu T cho chị D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị D và anh Đỗ Việt L.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Mai Thuỷ T, sinh ngày 04/4/2021 (hiện đang ở cùng anh L) cho chị Mai Thị D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mai Thị D và anh Đỗ Việt L mỗi người phải nộp 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002543 ngày 04 tháng 11 năm 2025 được đối trừ khi thi hành án, chị D được hoàn lại số tiền 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hân